

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA NGƯỜI HỌC
VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020 - 2021**

1. Tổng quan về khảo sát

- Thời gian thực hiện khảo sát: Thực hiện theo Thông báo số 424/TB-ĐHCNTT&TT ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học 2020-2021, sinh viên thực hiện đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên trong học kỳ 2 năm học 2020-2021 từ ngày 15/4/2021 đến hết ngày 15/7/2021. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên việc thực hiện đánh giá của sinh viên lùi đến hết ngày 25 tháng 8 năm 2021.

- Lý do khảo sát: Thăm dò ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên sau khi kết thúc môn học, góp phần đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Đối tượng khảo sát: Sinh viên học đại học chính quy ở tất cả các khoá học.

- Tổng số phiếu thu được sau khảo sát: 13.171 phiếu.

- Giảng viên được sinh viên đánh giá: 174 giảng viên.

2. Mục đích khảo sát

- Kết quả khảo sát từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên là nguồn dữ liệu để lãnh đạo nhà Trường và các Khoa xem xét, đánh giá và đề ra các biện pháp nhằm cải tiến chất lượng giảng dạy của giảng viên, điều chỉnh chương trình đào tạo góp phần cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của nhà trường; tạo thêm kênh thông tin để giúp giảng viên có thể tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy và nhà trường kịp thời điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội.

- Góp phần thực hiện công tác kiểm định đánh giá chất lượng trong nhà trường.

3. Nội dung khảo sát

Gồm 5 nội dung chính (với 20 tiêu chí đánh giá):

- Thông tin về môn học và tài liệu giảng dạy;

- Phương pháp giảng dạy của giảng viên;

- Nội dung giảng dạy;

- Kiểm tra đánh giá;



- Tác phong sư phạm.

4. Phương pháp khảo sát

- Phiếu khảo sát thực hiện thông qua phần mềm khảo sát trực tuyến được tích hợp trên hệ thống quản lý đào tạo IU (*Phụ lục 01 - Mẫu phiếu khảo sát kèm theo*).

- Thang đo đánh giá 4 mức được sử dụng trong phiếu khảo sát, với: 1. Chưa tốt; 2. Bình thường; 3. Tốt; 4. Rất tốt.

5. Kết quả khảo sát

- Tổng số phiếu khảo sát thu về: 13.171 phiếu trả lời.

- Giảng viên được sinh viên đánh giá: 174 giảng viên.

- Số lượt môn học được đánh giá của giảng viên: 294 môn.

- Số chương trình đào tạo sinh viên đang theo học: 24 chương trình.

Bảng 1. Thống kê số lượng phiếu khảo sát (PKS)

TT	Các Khoa	Số lượng PKS thu được
1	Khoa Công nghệ điện tử và truyền thông	1.241
2	Khoa Công nghệ tự động hoá	838
3	Khoa Công nghệ thông tin	2.695
4	Khoa Hệ thống thông tin kinh tế	1.939
5	Khoa Khoa học cơ bản	5.051
6	Khoa Truyền thông đa phương tiện	1.407
Tổng cộng		13.171

Bảng 2. Thống kê số lượng giảng viên được người học đánh giá

TT	Các Khoa	Số lượng giảng viên được khảo sát
1	Khoa Công nghệ điện tử và truyền thông	25
2	Khoa Công nghệ tự động hoá	16
3	Khoa Công nghệ thông tin	52
4	Khoa Hệ thống thông tin kinh tế	22
5	Khoa Khoa học cơ bản	37
6	Khoa Truyền thông đa phương tiện	22
Tổng cộng		174

Bảng 3. Kết quả đánh giá chung của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên

Nội dung đánh giá	Mức đạt trung bình					
	Khoa CNĐT&TT	Khoa CNTĐH	Khoa CNTT	Khoa HTTTKT	Khoa KHCB	Khoa TTĐPT
Thông tin về môn học và tài liệu giảng dạy (03 tiêu chí)	3,5	3,5	3,3	3,4	3,4	3,5
Phương pháp giảng dạy của giảng viên (06 tiêu chí)	3,5	3,5	3,3	3,4	3,4	3,5
Nội dung giảng dạy (04 tiêu chí)	3,5	3,5	3,3	3,4	3,4	3,5
Kiểm tra đánh giá (04 tiêu chí)	3,5	3,5	3,3	3,4	3,4	3,5
Tác phong sư phạm (03 tiêu chí)	3,5	3,5	3,3	3,4	3,4	3,4

Thông qua kết quả lấy phiếu phản hồi của người học, hầu hết các giảng viên được đánh giá đạt mức trung bình từ mức 3 (*Tốt*) trở lên đến mức 4 (*Rất tốt*). Tuy nhiên, vẫn còn một số ít giảng viên được đánh giá ở mức 2 (*Bình thường*). (*Phụ lục 02 - Bảng thống kê kết quả đánh giá kèm theo*).

Một số học phần có số phiếu đánh giá thấp (≤ 10 phiếu) do số lượng sinh viên đăng ký học ít.

Ngoài ra, kết quả thống kê cho thấy không có sự chênh lệch đáng kể điểm đánh giá giữa các Khoa, điều này có nghĩa là chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên giữa các Khoa khá đồng đều.

6. Đơn vị chủ trì khảo sát

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục - Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

7. Kết luận

Công tác lấy phiếu phản hồi của người học về đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên đạt kết quả tốt, với 20 tiêu chí được xây dựng trong phiếu khảo sát đã phản ánh đầy đủ hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên trong nhà trường.

Giúp cải thiện chất lượng giảng dạy của giảng viên, đặc biệt giúp các giảng viên xem xét đánh giá lại phương pháp giảng dạy của mình.

Thông qua kết quả lấy phiếu phản hồi thấy rằng một số sinh viên chưa thực hiện đánh giá toàn bộ các học phần của học kỳ II.

8. Kiến nghị

* Đối với các Khoa: Đề nghị lãnh đạo các Khoa căn cứ kết quả đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ người học tổ chức hoạt động cải thiện, rút kinh nghiệm đến toàn thể cán bộ giảng viên.

* Đối với giảng viên:

- Căn cứ kết quả đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ người học, các giảng viên xem xét, rút kinh nghiệm, phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm để nâng cao chất lượng giảng dạy trong các năm học tiếp theo.

- Đề nghị giáo viên chủ nhiệm quán triệt và nhắc nhở người học phải thực hiện đánh giá 100% các môn thực học./.

Nơi nhận:

- Các Khoa (t/h);
- Ban Giám hiệu (b/c);
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Vũ Đức Thái

**PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA NGƯỜI HỌC
VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN**

(Kèm theo Báo cáo số: 379/BC-ĐHCNTT&TT ngày 01/9/2021
của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông)

Nội dung đánh giá		Thang bậc đánh giá về mức đồng ý			
		Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
I	Thông tin về môn học và tài liệu giảng dạy				
1	Giảng viên cung cấp đề cương chi tiết môn học cho người học ngay từ khi bắt đầu môn học.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	Giảng viên phổ biến cho người học về vị trí, vai trò, mục tiêu, yêu cầu và chuẩn đầu ra của môn học.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	Giảng viên giới thiệu cho người học thông tin về tài liệu học tập (giáo trình, tài liệu tham khảo, website,...).	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
II	Phương pháp giảng dạy của giảng viên				
4	Giảng viên có chuẩn bị tư liệu, công cụ hỗ trợ cho bài giảng, phương pháp trình bày hấp dẫn, dễ hiểu.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	Giảng viên cập nhật, đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp, có biện pháp kích lệ tinh thần học tập, sáng tạo cho người học.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	Giảng viên giúp người học phát huy tính tự học, tự nghiên cứu.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	Giảng viên giúp người học rèn luyện kỹ năng mềm (giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm).	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	Giảng viên sử dụng công nghệ/kỹ thuật hỗ trợ học tập hiệu quả.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	Giảng viên tạo không khí học tập sôi nổi, tích cực để thúc đẩy hoạt động học tập.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
III	Nội dung giảng dạy				
10	Giảng viên có bổ sung, cập nhật kiến thức mới vào bài giảng.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
11	Giảng viên cung cấp đầy đủ nội dung, kiến thức cơ bản, trọng tâm đáp ứng với chuẩn đầu ra của môn học.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

12	Giảng viên trình bày nội dung có tính khoa học, logic, có liên kết giữa các phần, các chương.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
13	Nội dung giảng dạy có gắn kết với những vấn đề trong thực tế.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
IV	Kiểm tra đánh giá	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
14	Giảng viên thông báo cho người học về hình thức kiểm tra đánh giá và tiêu chí đánh giá kết quả học tập ngay từ khi bắt đầu môn học.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
15	Giảng viên nghiêm túc, khách quan, công bằng trong kiểm tra, đánh giá.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
16	Nội dung thi, kiểm tra đánh giá phản ánh đúng mức độ tích lũy kiến thức và đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của môn học.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
17	Giảng viên thực hiện trả bài kiểm tra và nhận xét, góp ý sau mỗi bài kiểm tra.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
V	Tác phong sư phạm	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
18	Giảng viên lên lớp đúng giờ, giảng dạy đủ thời gian theo quy định; không hoặc rất ít dỗi giờ học.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
19	Giảng viên nhiệt tình, thân thiện, tôn trọng người học, có trách nhiệm trong giảng dạy, giải đáp thoả đáng các thắc mắc của người học.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
20	Giảng viên sử dụng thời gian trên lớp một cách hiệu quả.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Ý kiến khác:					

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 379/BC-DHCNTT&TT ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông)

TT	Đơn vị	Tên giảng viên	Môn học	Số phiếu đánh giá	Mức đạt trung bình các nội dung đánh giá				
					Thông tin về môn học và tài liệu giảng dạy (Gồm 03 câu hỏi)	Phương pháp giảng dạy của giảng viên (Gồm 06 câu hỏi)	Nội dung giảng dạy (Gồm 04 câu hỏi)	Kiểm tra đánh giá (Gồm 04 câu hỏi)	Tác phong sư phạm (Gồm 03 câu hỏi)
1	Khoa Công nghệ điện tử và Truyền thông			1,241					
1.1	Bộ môn Điện tử máy tính			782					
	1	Đào Thị Hằng	Kiến trúc máy tính	154	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
			Lập trình truyền thông trên hệ thống nhúng	6	3.2	3.4	3.4	3.4	3.4
	2	Hồ Mậu Việt	Thiết kế mạch điện tử	27	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
	3	Mai Thị Kim Anh	Kỹ thuật vi xử lý và ứng dụng	22	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Ngôn ngữ mô tả phần cứng	17	3.4	3.5	3.4	3.5	3.5
			Hệ vi điều khiển tiên tiến	16	3.4	3.5	3.6	3.6	3.6
	4	Nguyễn Thanh Tùng	Kỹ thuật robot và ứng dụng	29	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Kỹ thuật vi xử lý và ứng dụng	56	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
	5	Nguyễn Thị Dung	Kiến trúc máy tính	141	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
	6	Nguyễn Thị Thu Hằng	Hệ điều hành	194	3.5	3.5	3.6	3.6	3.6
	7	Nguyễn Thuỳ Dung	Đo lường tự động	15	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7
			Máy tính công nghiệp	28	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
	8	Nguyễn Văn Thắng	Kiến trúc máy tính	35	3.2	3.1	3.2	3.2	3.2
	9	Phạm Xuân Kiên	Chuyên đề	7	3.2	3.4	3.4	3.4	3.5
			Lập trình hệ thống	7	3.2	3.4	3.4	3.4	3.5
	10	Vũ Chiến Thắng	Internet kết nối vạn vật	28	3.6	3.6	3.5	3.6	3.6
1.2	Bộ môn Điện tử viễn thông			264					
	1	Đào Thị Phương	Quản lý mạng viễn thông	45	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
	2	Đoàn Thị Thanh Thảo	Kỹ thuật chuyển mạch và tổng đài	21	3.7	3.6	3.7	3.6	3.6
	3	Đỗ Huy Khôi	Kỹ thuật điện tử số	42	3.3	3.4	3.4	3.4	3.4
			Mô phỏng các hệ thống thông tin số	45	3.5	3.5	3.6	3.5	3.5
	4	Mạc Thị Phương	Thiết bị mạng viễn thông	21	3.6	3.6	3.7	3.6	3.7
	5	Nguyễn Ngọc Dương	Thông tin vệ tinh-vi ba	21	3.6	3.6	3.5	3.5	3.6
	6	Nguyễn Thị Ngân	Kỹ thuật đo lường điện tử	53	3.3	3.4	3.3	3.3	3.3
	7	Phạm Thành Nam	Kỹ thuật điện tử số	2	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0
	8	Trần Thị Xuân	Kiến trúc máy tính	7	3.9	3.9	3.9	3.9	3.9
			Quản trị hệ thống	7	2.9	3.1	3.3	3.3	3.2
1.3	Bộ môn Điện tử y sinh			195					
	1	Đình Quý Long	Thực hành vi điều khiển và vi xử lý	16	3.1	3.1	3.0	3.0	3.0
	2	Đoàn Mạnh Cường	Máy theo dõi bệnh nhân	8	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
			Thiết bị chẩn đoán hình ảnh	8	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7
	3	Nguyễn Sỹ Hiệp	Một số thiết bị hỗ trợ điều trị trong y tế	6	3.4	3.4	3.4	3.3	3.4
	4	Nguyễn Thành Trung	Kỹ thuật điện tử tương tự	77	3.2	3.1	3.2	3.2	3.2
	5	Nguyễn Thế Dũng	Cảm biến và kỹ thuật đo lường trong y sinh	6	3.7	3.7	3.7	3.8	3.7
			Mạch điện tử y sinh	6	3.5	3.7	3.7	3.8	3.7
			Thực hành vi điều khiển và vi xử lý	23	3.7	3.6	3.7	3.6	3.7
			Quản lý trang thiết bị y tế	6	3.3	3.2	3.3	3.3	3.3
	6	Trần Đức Hoàng	Thực hành điện tử tương tự và số	18	3.2	3.2	3.2	3.3	3.2
			Laser trong y tế	6	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7
	7	Trần Thị Thanh Hương	Thiết bị xét nghiệm sinh hóa	9	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7
			Vật liệu y sinh	6	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7

TT	Đơn vị	Tên giảng viên	Môn học	Số phiếu đánh giá	Mức đạt trung bình các nội dung đánh giá				
					Thông tin về môn học và tài liệu giảng dạy (Gồm 03 câu hỏi)	Phương pháp giảng dạy của giảng viên (Gồm 06 câu hỏi)	Nội dung giảng dạy (Gồm 04 câu hỏi)	Kiểm tra đánh giá (Gồm 04 câu hỏi)	Tác phong sư phạm (Gồm 03 câu hỏi)
2	Khoa Công nghệ tự động hoá			838					
2.1	Bộ môn Điều khiển tự động			255					
	1	Bùi Tuấn Anh	Hệ thống SCADA và ứng dụng Lập trình PLC nâng cao	14 16	3.5 3.4	3.5 3.4	3.5 3.4	3.5 3.4	3.5 3.4
	2	Hoàng Thị Hải Yến	Trang bị điện - điện tử cho máy công nghiệp	45	3.6	3.5	3.6	3.6	3.6
	3	Hoàng Thị Thương	Điều khiển biến tần động cơ điện xoay chiều	12	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Điều khiển quá trình	17	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
			Kỹ thuật truyền thông công nghiệp	12	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
	4	Lê Văn Chung	Kỹ thuật đo lường và điều khiển bằng máy tính 2	2	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Thực hành đo lường, điều khiển, giao diện MT	16	3.6	3.7	3.7	3.7	3.7
	5	Phạm Đức Long	Lập trình hợp ngữ	8	3.2	3.3	3.3	3.2	3.3
	6	Vũ Thạch Dương	Kỹ thuật đo lường và điều khiển bằng máy tính 1	42	3.1	3.1	3.1	3.1	3.2
			Kỹ thuật truyền thông công nghiệp	39	3.4	3.4	3.4	3.3	3.4
	7	Vũ Thành Vinh	Kỹ thuật đo lường và điều khiển bằng máy tính 1	32	3.2	3.2	3.2	3.2	3.2
2.2	Bộ môn Công nghệ Kỹ thuật điện - Điện tử			327					
	1	Đặng Thị Loan Phương	Máy điện và khí cụ điện	53	3.2	3.2	3.2	3.2	3.1
			Điện tử công suất	35	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
	2	Lê Hồng Thu	Mô phỏng hệ thống điện - điện tử	18	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
			Mô phỏng và thiết kế hệ thống Mô phỏng và thiết kế hệ thống điện trong công nghiệp	28 12	3.4 3.6	3.4 3.7	3.4 3.7	3.4 3.7	3.4 3.6
	3	Lê Thị Thu Huyền	Kỹ thuật chiếu sáng	13	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
			Thiết kế hệ thống cung cấp điện	14	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
	4	Nguyễn Ngọc Ánh	Điện tử công suất	41	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
			Kỹ thuật truyền thông công nghiệp	5	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
	5	Vũ Thị Oanh	Máy điện và khí cụ điện	25	3.1	3.1	3.0	3.1	3.1
			Lý thuyết mạch điện	83	3.4	3.4	3.4	3.5	3.4
2.3	Rô bốt và Công nghệ oto			256					
	1	Lương Quang Huy	Công nghệ CAD/CAM/CNC	38	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
			Lý thuyết ô tô	21	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
	2	Trần Tuấn Việt	Xe lai - xe điện	10	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
			Động cơ đốt trong	20	3.8	3.7	3.7	3.8	3.7
	3	Trần Xuân Trọng	Điều hòa ô tô	9	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
			Hệ thống điều khiển ô tô	10	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
	4	Trịnh Thúy Hà	Truyền động thủy lực và khí nén	60	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
			Cơ ứng dụng	75	3.3	3.3	3.4	3.3	3.4
			Tổng hợp hệ điện cơ	13	3.7	3.8	3.8	3.7	3.7
3	Khoa Công nghệ thông tin			2,695					
3.1	Bộ môn Công nghệ phần mềm			860					
	1	Bùi Anh Tú	Công nghệ ASP.NET	36	3.3	3.2	3.2	3.2	3.3
	2	Đào Thị Thu	Các phương pháp hình thức	107	3.5	3.5	3.4	3.5	3.4
	3	Đỗ Thị Loan	Lập trình trên thiết bị di động	40	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
			Phân tích và quản lý yêu cầu	79	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
	4	Nguyễn Hồng Tân	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	32	3.5	3.4	3.4	3.4	3.4
			Phân tích yêu cầu phần mềm	1	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
	5	Nguyễn Lan Oanh	Cấu trúc Dữ liệu và thuật toán	66	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
	6	Nguyễn Thị Dung	Lập trình Java	60	3.4	3.5	3.5	3.4	3.5
			XML và ứng dụng	34	3.4	3.4	3.4	3.4	3.5
	7	Nguyễn Thị Tinh	Lập trình trên thiết bị di động	38	3.2	3.2	3.3	3.2	3.3

TT	Đơn vị	Tên giảng viên	Môn học	Số phiếu đánh giá	Mức đạt trung bình các nội dung đánh giá				
					Thông tin về môn học và tài liệu giảng dạy (Gồm 03 câu hỏi)	Phương pháp giảng dạy của giảng viên (Gồm 06 câu hỏi)	Nội dung giảng dạy (Gồm 04 câu hỏi)	Kiểm tra đánh giá (Gồm 04 câu hỏi)	Tác phong sư phạm (Gồm 03 câu hỏi)
		8 Nguyễn Thu Phương	Thiết kế giao diện phần mềm	33	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
		9 Nguyễn Văn Núi	Lập trình hướng đối tượng	1	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
			Lập trình Java	15	3.7	3.6	3.6	3.6	3.6
		10 Phạm Thị Thương	Đảm bảo chất lượng phần mềm	70	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
			Lập trình Java	25	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
		11 Quách Xuân Trường	Vận hành và bảo trì phần mềm	33	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
			Công nghệ J2EE	35	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
		12 Tô Hữu Nguyễn	Lập trình java nâng cao	34	3.3	3.2	3.2	3.2	3.2
			Dự án phát triển phần mềm	33	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
		13 Trần Hải Thanh	Lập trình Java	40	2.9	3.0	3.0	3.0	3.0
		14 Võ Văn Trường	Công nghệ ASP.NET	48	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
3.2	Bộ môn Hệ thống thông tin			621					
		1 Đào Trần Chung	An toàn cơ sở dữ liệu	6	3.7	3.5	3.5	3.7	3.5
		2 Dương Thị Mai Thương	Phân tích dữ liệu lớn	39	3.4	3.3	3.3	3.3	3.3
		3 Hồ Thị Tuyền	Phân tích thiết kế hệ thống	44	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
			Cơ sở dữ liệu phân tán	2	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
		4 Lê Thu Trang	Khai phá dữ liệu	43	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
			Phân tích thiết kế hệ thống	27	3.2	3.1	3.1	3.2	3.1
			Các hệ thống thông minh	3	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
		5 Mai Văn Hoàn	Dữ liệu lớn và công nghệ xử lý	6	3.3	3.4	3.5	3.5	3.5
			Xử lý dữ liệu lớn	3	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
		6 Nguyễn Hải Minh	Chuyên đề	3	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
		7 Nguyễn Kim Sơn	Phân tích thiết kế hệ thống	54	3.1	3.1	3.2	3.1	3.1
			Khai phá mạng xã hội	13	3.2	3.2	3.2	3.2	3.2
		8 Nguyễn Quang Hiệp	Phân tích thiết kế hệ thống	35	3.1	3.1	3.2	3.1	3.2
			Quản lý hệ thống thông tin	2	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
		9 Nguyễn Thị Linh	Phân tích thiết kế hệ thống	5	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0
			Học sâu (Deep learning)	11	3.6	3.7	3.6	3.7	3.6
		10 Nguyễn Thị Thanh Nhân	Lý thuyết nhận dạng	3	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
			Trí tuệ nhân tạo	19	3.3	3.4	3.5	3.4	3.4
		11 Nguyễn Thu Hương	Trí tuệ nhân tạo	113	3.4	3.5	3.5	3.5	3.5
			Phân tích thiết kế hệ thống	69	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
		12 Phạm Thị Liên	Trí tuệ nhân tạo	45	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
			Xử lý ảnh	21	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
		13 Phùng Thế Huân	Điện toán đám mây	25	3.1	3.0	3.0	3.0	3.0
		14 Trịnh Văn Hà	Mạng máy tính	30	2.8	2.8	2.8	2.8	2.8
3.3	Bộ môn Khoa học máy tính và công nghệ			636					
		1 Đàm Thanh Phương	Học máy	34	3.5	3.4	3.4	3.4	3.5
		2 Đinh Khánh Linh	Cấu trúc Dữ liệu và thuật toán	53	3.2	3.3	3.2	3.3	3.3
			Lập trình nâng cao	22	3.7	3.7	3.6	3.6	3.5
		3 Đỗ Văn Toàn	Lập trình nâng cao	29	3.3	3.4	3.4	3.4	3.4
			Quản lý rủi ro	6	3.4	3.2	3.5	3.4	3.5
		5 Nguyễn Đình Dũng	Lập trình nâng cao	6	3.5	3.6	3.6	3.6	3.7
		6 Nguyễn Đức Bình	Điện toán đám mây	5	3.2	3.2	3.3	3.2	3.2
			Lập trình nâng cao	71	3.4	3.4	3.4	3.4	3.3
		7 Nguyễn Thị Oanh	Ứng dụng thuật toán	55	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
			Cấu trúc Dữ liệu và thuật toán	38	3.2	3.2	3.2	3.2	3.2
		8 Nguyễn Thị Tuyền	Lập trình nâng cao	42	3.4	3.4	3.4	3.5	3.5
			Ứng dụng thuật toán	71	3.3	3.2	3.3	3.3	3.3
			Lập trình nâng cao	77	3.2	3.2	3.2	3.2	3.3
		9 Nguyễn Tuấn Anh	Thực hành phát triển ứng dụng	13	3.2	3.2	3.2	3.2	3.2
			Lập trình nâng cao	63	3.6	3.5	3.5	3.5	3.6
		10 Trần Quang Quý	Lập trình python	16	3.8	3.7	3.8	3.8	3.8
			Lập trình song song	12	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
		11 Vũ Vinh Quang	Mạng neuron và ứng dụng	21	3.1	3.1	3.0	3.0	3.0
			Tính toán mềm	2	3.5	3.3	3.4	3.4	3.5
3.4	Bộ môn Mạng và An toàn thông tin			578					

TT	Đơn vị	Tên giảng viên	Môn học	Số phiếu đánh giá	Mức đạt trung bình các nội dung đánh giá					
					Thông tin về môn học và tài liệu giảng dạy (Gồm 03 câu hỏi)	Phương pháp giảng dạy của giảng viên (Gồm 06 câu hỏi)	Nội dung giảng dạy (Gồm 04 câu hỏi)	Kiểm tra đánh giá (Gồm 04 câu hỏi)	Tác phong sư phạm (Gồm 03 câu hỏi)	
		1	Đỗ Đình Lực	Hệ thống giám sát mạng	26	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
				Mạng máy tính	107	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
		2	Dương Thu Máy	Lập trình web	7	3.7	3.9	3.9	3.9	3.9
		3	Lương Minh Huệ	Lập trình web	88	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
		4	Nguyễn Anh Chuyên	Nhập môn ATTT	7	3.3	3.4	3.3	3.2	3.2
		5	Nguyễn Thanh Tùng (CNTT)	Quản trị hệ thống Linux server	15	3.4	3.4	3.3	3.4	3.2
				Thiết kế hệ thống phát hiện xâm nhập	10	2.8	2.7	2.7	2.6	2.6
		6	Nguyễn Thị Duyên	Giám sát nội dung web	6	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
				Lập trình nguồn mở	6	3.5	3.4	3.5	3.4	3.4
		7	Nguyễn Toàn Thắng	Lập trình truyền thông	11	3.5	3.4	3.5	3.5	3.4
				Phần mềm và dịch vụ mạng	7	3.9	3.9	3.9	3.9	3.9
		8	Phạm Hồng Việt	An ninh mạng	17	3.5	3.4	3.4	3.4	3.5
				Mạng máy tính	24	3.2	3.2	3.2	3.2	3.3
9	Trần Duy Minh	Công nghệ và thiết bị mạng	7	3.9	3.9	3.9	3.9	3.9		
		Mạng máy tính	76	3.1	3.1	3.1	3.1	3.1		
10	Trần Quang Huy	An toàn điện toán đám mây	1	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0		
		Công nghệ ảo hóa	7	3.6	3.6	3.5	3.6	3.6		
11	Trịnh Minh Đức	Mật mã học và ứng dụng	8	3.1	3.1	3.2	3.1	3.1		
		Đánh giá hiệu năng mạng	8	3.5	3.6	3.5	3.5	3.5		
12	Vũ Văn Diện	Mạng máy tính nâng cao	115	3.3	3.3	3.3	3.4	3.3		
		Thiết kế mạng	17	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5		
		Hệ điều hành bảo mật	7	3.3	3.4	3.4	3.4	3.5		
13	Vũ Việt Dũng	Mã độc máy tính	1	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0		
4	Khoa Hệ thống thông tin kinh tế			1,939						
4.1	Bộ môn Quản trị văn phòng			329						
		1	Bùi Quỳnh Trang	Hệ thống quản lý chất lượng (ISO) trong công tác văn phòng	55	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
				Quản trị và tổ chức sự kiện hành chính văn phòng	27	3.5	3.5	3.6	3.5	3.6
		2	Đỗ Thị Diệu Thu	Nhập môn công tác lưu trữ	48	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
				Tổ chức lao động khoa học và trang thiết bị văn phòng	27	3.4	3.3	3.3	3.3	3.3
		3	Hà Văn Vương	Nhập môn công tác văn thư	45	3.2	3.3	3.3	3.3	3.2
		4	Lã Thị Quỳnh Mai	Quản trị và tổ chức sự kiện hành chính văn phòng	29	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
				Tổ chức lao động khoa học và trang thiết bị văn phòng	27	3.6	3.6	3.5	3.5	3.5
		5	Lê Hoài Giang	Nghiệp vụ thư ký văn phòng	57	3.4	3.4	3.4	3.4	3.5
		6	Trương Tuấn Linh	Quản trị học	14	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
4.2	Bộ môn Thương mại điện tử			707						
		1	Đàm Thị Phương Thảo	Quản trị quan hệ khách hàng	62	3.5	3.6	3.5	3.6	3.6
				Văn phòng điện tử	27	3.5	3.6	3.5	3.5	3.6
		2	Đỗ Văn Đại	Hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý	9	3.4	3.5	3.4	3.3	3.3
				Lập trình cơ sở	32	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7
		3	Lê Anh Tú	Quản trị cơ sở dữ liệu	16	3.2	3.0	3.0	2.9	3.1
				Lập trình ứng dụng kinh tế	9	3.5	3.5	3.5	3.4	3.4
		4	Lê Thị Hằng	Xây dựng và triển khai ứng dụng TMĐT	27	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
				Bảng tính điện tử	29	3.1	3.0	3.1	3.0	3.2
		5	Lê Triệu Tuấn	Lập trình cơ sở	41	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
				Quản trị rủi ro Thương mại điện tử	61	3.4	3.4	3.5	3.4	3.4
		6	Lý Thu Trang	Hệ thống thông tin quản lý	71	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
				Lập trình cơ sở	44	3.1	3.1	3.1	3.1	3.1
		7	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Quản trị cơ sở dữ liệu	68	3.3	3.4	3.4	3.4	3.4
				Văn phòng điện tử	28	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
				Marketing điện tử	62	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
				Lưu trữ tài liệu đa phương tiện	30	3.1	3.0	3.2	3.1	3.2

TT	Đơn vị	Tên giảng viên	Môn học	Số phiếu đánh giá	Mức đạt trung bình các nội dung đánh giá				
					Thông tin về môn học và tài liệu giảng dạy (Gồm 03 câu hỏi)	Phương pháp giảng dạy của giảng viên (Gồm 06 câu hỏi)	Nội dung giảng dạy (Gồm 04 câu hỏi)	Kiểm tra đánh giá (Gồm 04 câu hỏi)	Tác phong sư phạm (Gồm 03 câu hỏi)
	8	Nguyễn Thu Hằng	Thương mại đi động	60	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Tin học ứng dụng trong quản trị văn phòng	31	3.1	3.1	3.1	3.1	3.1
4.3	Bộ môn Tin học kinh tế			903					
	1	Đặng Thương Hoài Linh	Pháp luật đại cương	90	3.4	3.4	3.4	3.4	3.3
			Pháp luật thương mại điện tử	102	3.4	3.3	3.4	3.4	3.3
	2	Đinh Thị Ngọc Oanh	Nguyên lý kế toán	87	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
			Pháp luật đại cương	78	2.9	2.8	2.9	2.8	2.7
	3	Đỗ Năng Thắng	Kinh tế vi mô	18	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
			Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế	9	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
	4	Ngô Mai Phương	Pháp luật đại cương	92	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Quản trị chuỗi cung ứng	9	3.9	3.8	3.9	3.9	3.8
			Tiền tệ ngân hàng	17	3.6	3.6	3.5	3.5	3.5
	5	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Kinh tế học đại cương	48	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
			Pháp luật đại cương	63	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
	6	Nguyễn Tiến Mạnh	Kinh tế phát triển	17	3.4	3.4	3.3	3.3	3.3
			Kinh tế vi mô	43	3.5	3.5	3.5	3.4	3.5
	7	Phan Thị Hiền	Hành vi tổ chức doanh nghiệp	9	3.8	3.7	3.7	3.8	3.8
			Pháp luật đại cương	123	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
	8	Trần Thu Phương	Kinh tế vi mô	42	3.1	3.1	3.1	3.0	3.0
			Pháp luật đại cương	56	3.4	3.5	3.4	3.4	3.4
5	Khoa Khoa học cơ bản			5,051					
5.1	Bộ môn Giáo dục thể chất			950					
	1	Chu Xuân Tiến	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	30	3.1	3.1	3.2	3.2	3.2
			Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	47	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
			Giáo dục thể chất 4 (Bóng đá)	87	3.4	3.4	3.4	3.3	3.4
	2	Ngô Mạnh Cường	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	4	2.8	2.8	2.8	2.8	2.8
			Giáo dục thể chất 4 (Bóng đá)	151	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
	3	Nông Văn Đồng	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	68	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
			Giáo dục thể chất 4 (Bóng đá)	66	3.2	3.2	3.2	3.2	3.1
	4	Trần Minh Liên	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	72	3.4	3.3	3.4	3.3	3.3
			Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	136	3.1	3.1	3.1	3.1	3.1
	5	Trần Xuân Giang	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	34	3.3	3.4	3.3	3.2	3.4
			Giáo dục thể chất 4 (Bóng đá)	105	3.3	3.4	3.3	3.3	3.3
	6	Vũ Hoàng Sơn	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	25	3.1	3.1	3.0	3.0	3.1
			Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	77	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
			Giáo dục thể chất 4 (Bóng đá)	48	3.3	3.3	3.3	3.3	3.4
5.2	Bộ môn Khoa học tự nhiên			685					
	1	Đinh Diệu Hằng	Giải tích	46	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
	2	Hoàng Phương Khánh	Giải tích	42	3.7	3.6	3.6	3.7	3.7
			Lý thuyết xác suất và thống kê toán	68	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
	3	Khoa Thu Hoài	Toán cao cấp 2	107	3.1	3.1	3.1	3.1	3.1
	4	Lại Văn Trung	Giải tích	53	3.6	3.6	3.6	3.5	3.6
	5	Ngô Mạnh Tường	Toán kinh tế	108	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
	6	Nguyễn Thị Nhung	Giải tích	97	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
	7	Nguyễn Thị Thanh Giang	Giải tích	61	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
	8	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Vật lý đại cương	5	3.2	3.1	3.2	3.2	3.2
	9	Quách Thị Mai Liên	Giải tích	98	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
5.3	Bộ môn Khoa học xã hội			1675					
	1	Đặng Thị Kim Dung	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	292	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
	2	Đỗ Quỳnh Hoa	Tư tưởng Hồ Chí Minh	93	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
	3	Hoàng Ngọc Bích	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	243	3.2	3.2	3.2	3.2	3.2
	4	Lê Thị Hương	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	142	3.6	3.5	3.5	3.5	3.5
			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	114	3.1	3.1	3.1	3.1	3.1
	5	Ngô Cẩm Tú	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	138	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
	6	Phùng Thanh Hoa	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	275	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5

TT	Đơn vị	Tên giảng viên	Môn học	Số phiếu đánh giá	Mức đạt trung bình các nội dung đánh giá				
					Thông tin về môn học và tài liệu giảng dạy (Gồm 03 câu hỏi)	Phương pháp giảng dạy của giảng viên (Gồm 06 câu hỏi)	Nội dung giảng dạy (Gồm 04 câu hỏi)	Kiểm tra đánh giá (Gồm 04 câu hỏi)	Tác phong sư phạm (Gồm 03 câu hỏi)
		7 Trần Thùy Linh	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	107	3.4	3.5	3.4	3.4	3.4
		8 Trinh Thị Kim Thoa	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	271	3.1	3.2	3.2	3.2	3.2
5.4	Bộ môn Ngoại ngữ			1741					
		1 Bùi Thị Thanh Thủy	Anh văn 2	188	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
		2 Đặng Phương Mai	Anh văn 3	38	3.5	3.4	3.4	3.4	3.4
		3 Dương Thị Hồng An	Anh văn 2	23	3.4	3.3	3.3	3.3	3.3
			Anh văn 4	23	3.4	3.3	3.3	3.3	3.3
		4 Hoàng Thu Giang	Anh văn 4	327	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
		5 Hoàng Văn Sáu	Anh văn 2	197	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
		6 Ngô Phương Thùy	Anh văn 3	33	3.5	3.4	3.4	3.5	3.4
		7 Nguyễn Thị Phương Hoa	Anh văn 4	143	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
		8 Nguyễn Thùy Linh	Anh văn 2	40	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Anh văn 4	87	3.2	3.2	3.2	3.2	3.2
		9 Nguyễn Thùy Hòa	Anh văn 4	51	3.1	3.1	3.1	3.1	3.1
		10 Phạm Thúy Hằng	Anh văn 2	157	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
		11 Phan Thị Như Quỳnh	Anh văn 2	183	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
			Anh văn 2	35	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
		12 Trần Minh Thành	Anh văn 4	36	3.2	3.2	3.2	3.2	3.1
			Anh văn 1	5	3.6	3.4	3.2	3.4	3.2
		13 Trần Thị Hòa	Anh văn 2	128	3.5	3.5	3.4	3.5	3.5
			Anh văn 4	47	3.6	3.5	3.5	3.6	3.5
6	Khoa Truyền thông đa phương tiện			1,407					
6.1	Bộ môn Công nghệ truyền thông			233					
		1 Đỗ Thị Bích Loan	Kỹ năng viết truyền thông	17	3.9	3.8	3.8	3.8	3.8
			Truyền thông doanh nghiệp và tiếp thị	16	3.5	3.6	3.6	3.5	3.6
		2 Hà Mỹ Trinh	Kỹ thuật nhiếp ảnh	65	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Kỹ thuật quay phim	11	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
		3 Nguyễn Thị Hải Anh	Kỹ năng mềm	17	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
		4 Nguyễn Tú An	Tổ chức sự kiện	17	3.9	3.9	3.8	3.9	3.8
		5 Phạm Kim Thoa	Kỹ năng mềm	45	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
		6 Phạm Thị Hồng Nhung	Kỹ năng mềm	45	3.3	3.3	3.3	3.4	3.4
6.2	Bộ môn Thiết kế đồ họa			695					
		1 Đỗ Thị Bắc	Đồ họa xử lý ảnh	37	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
		2 Dương Thị Thuý Nga	Nghệ thuật chữ	63	3.3	3.2	3.2	3.3	3.3
			Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	25	3.7	3.7	3.7	3.7	3.6
		3 GVMI	Hình họa 1	31	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Hình họa 3	26	3.3	3.2	3.2	3.3	3.2
		4 Nguyễn Quang Minh	Hình họa nâng cao	28	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3
			Nghiên cứu thiên nhiên	88	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4
		5 Phạm Thị Ngọc Anh	Giải phẫu tạo hình	90	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Nguyên lý thị giác	54	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
		6 Trần Nguyễn Duy Trung	Nguyên lý thị giác	30	3.6	3.6	3.6	3.6	3.5
			Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	27	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Thiết kế poster	51	3.7	3.6	3.6	3.6	3.6
		7 Trịnh Ngọc Hà	Hình họa 1	56	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Hình họa 3	39	3.3	3.3	3.2	3.2	3.2
			Mình họa và vẽ truyện tranh	50	3.7	3.6	3.7	3.6	3.6
6.3	Bộ môn Truyền thông đa phương tiện			479					
		1 Đinh Xuân Lâm	Kỹ thuật quảng cáo	33	3.4	3.4	3.4	3.5	3.5
			Quản trị nội dung website	16	3.6	3.6	3.7	3.7	3.6
		2 Đỗ Thị Chi	Diễn hoạt 3D	11	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
			Dựng hình 3D cơ bản	71	3.2	3.3	3.2	3.3	3.2
			Đồ họa xử lý ảnh	34	3.5	3.5	3.6	3.5	3.6
		3 Đỗ Thị Phương	Kịch bản đa phương tiện	15	3.4	3.3	3.3	3.2	3.3
			Thiết kế đồ họa đa phương tiện nâng cao	10	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
		4 Lã Thùy Linh	Ngôn ngữ đa phương tiện	70	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5

TT	Đơn vị	Tên giảng viên	Môn học	Số phiếu đánh giá	Mức đạt trung bình các nội dung đánh giá				
					Thông tin về môn học và tài liệu giảng dạy (Gồm 03 câu hỏi)	Phương pháp giảng dạy của giảng viên (Gồm 06 câu hỏi)	Nội dung giảng dạy (Gồm 04 câu hỏi)	Kiểm tra đánh giá (Gồm 04 câu hỏi)	Tác phong sư phạm (Gồm 03 câu hỏi)
		5 Lê Sơn Thái	Đồ họa vector	27	3.1	3.2	3.2	3.2	3.2
		6 Lương Thị Thu Hà	Kỹ thuật quảng cáo	14	3.2	3.3	3.3	3.2	3.3
			Kỹ thuật quảng cáo	14	3.2	3.3	3.3	3.2	3.3
		7 Mã Văn Thu	Dựng hình 3D cơ bản	27	3.1	3.1	3.1	3.2	3.1
			Thiết kế nhân vật	7	3.7	3.7	3.5	3.7	3.5
		8 Phan Thị Cúc	Đồ họa xử lý ảnh	66	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Sản xuất video truyền thông	17	3.9	3.8	3.9	3.8	3.8
			Biên tập audio và video	16	3.2	3.1	3.1	3.1	3.2
		9 Tạ Thị Thảo	Đồ họa xử lý ảnh	21	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
			Kỹ xảo đa phương tiện	10	3.7	3.5	3.4	3.4	3.4
Tổng cộng				13,171					

CÁC HỌC PHẦN CÓ SỐ PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHỎ HƠN 10 PHIẾU

	Tên giảng viên	Môn học	Số phiếu đánh giá	Mức đạt trung bình các nội dung đánh giá				
				Thông tin về môn học và tài liệu giảng dạy (Gồm 03 câu hỏi)	Phương pháp giảng dạy của giảng viên (Gồm 06 câu hỏi)	Nội dung giảng dạy (Gồm 04 câu hỏi)	Kiểm tra đánh giá (Gồm 04 câu hỏi)	Tác phong sư phạm (Gồm 03 câu hỏi)
1	Nguyễn Hồng Tân	Phân tích yêu cầu phần mềm	1	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
2	Nguyễn Văn Núi	Lập trình hướng đối tượng	1	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
3	Trần Quang Huy	An toàn điện toán đám mây	1	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0
4	Vũ Việt Dũng	Mã độc máy tính	1	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0
5	Phạm Thành Nam	Kỹ thuật điện tử số	2	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0
6	Lê Văn Chung	Kỹ thuật đo lường và điều khiển bằng máy tính 2	2	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
7	Lê Thu Trang	Cơ sở dữ liệu phân tán	2	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
8	Nguyễn Quang Hiệp	Quản lý hệ thống thông tin	2	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
9	Vũ Vinh Quang	Tính toán mềm	2	3.5	3.3	3.4	3.4	3.5
10	Mai Văn Hoàn	Các hệ thống thông minh	3	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
11	Mai Văn Hoàn	Xử lý dữ liệu lớn	3	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
12	Nguyễn Hải Minh	Chuyên đề	3	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
13	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Lý thuyết nhận dạng	3	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
14	Ngô Mạnh Cường	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	4	2.8	2.8	2.8	2.8	2.8
15	Nguyễn Ngọc Ánh	Kỹ thuật truyền thông công nghiệp	5	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
16	Nguyễn Thị Linh	Phân tích thiết kế hệ thống	5	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0
17	Nguyễn Đức Bình	Điện toán đám mây	5	3.2	3.2	3.3	3.2	3.2
18	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Vật lý đại cương	5	3.2	3.1	3.2	3.2	3.2
19	Trần Thị Hòa	Anh văn I	5	3.6	3.4	3.2	3.4	3.2
20	Đào Thị Hằng	Lập trình truyền thông trên hệ thống nhúng	6	3.2	3.4	3.4	3.4	3.4
21	Nguyễn Sỹ Hiệp	Một số thiết bị hỗ trợ điều trị trong y tế	6	3.4	3.4	3.4	3.3	3.4
22	Nguyễn Thế Dũng	Cảm biến và kỹ thuật đo lường trong y sinh	6	3.7	3.7	3.7	3.8	3.7
23	Nguyễn Thế Dũng	Mạch điện tử y sinh	6	3.5	3.7	3.7	3.8	3.7
24	Trần Đức Hoàng	Quản lý trang thiết bị y tế	6	3.3	3.2	3.3	3.3	3.3
25	Trần Thị Thanh Hương	Laser trong y tế	6	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7
26	Trần Thị Thanh Hương	Vật liệu y sinh	6	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7
27	Đào Trần Chung	An toàn cơ sở dữ liệu	6	3.7	3.5	3.5	3.7	3.5
28	Mai Văn Hoàn	Dữ liệu lớn và công nghệ xử lý	6	3.3	3.4	3.5	3.5	3.5
29	Lê Khánh Dương	Quản lý rủi ro	6	3.4	3.2	3.5	3.4	3.5
30	Nguyễn Đình Dũng	Lập trình nâng cao	6	3.5	3.6	3.6	3.6	3.7
31	Nguyễn Thị Duyên	Giám sát nội dung web	6	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
32	Nguyễn Thị Duyên	Lập trình nguồn mở	6	3.5	3.4	3.5	3.4	3.4
33	Phạm Xuân Kiên	Chuyên đề	7	3.2	3.4	3.4	3.4	3.5
34	Phạm Xuân Kiên	Lập trình hệ thống	7	3.2	3.4	3.4	3.4	3.5

Tên giảng viên	Môn học	Số phiếu đánh giá	Mức đạt trung bình các nội dung đánh giá					
			Thông tin về môn học và tài liệu giảng dạy (Gồm 03 câu hỏi)	Phương pháp giảng dạy của giảng viên (Gồm 06 câu hỏi)	Nội dung giảng dạy (Gồm 04 câu hỏi)	Kiểm tra đánh giá (Gồm 04 câu hỏi)	Tác phong sư phạm (Gồm 03 câu hỏi)	
35	Trần Thị Xuân	Kiến trúc máy tính	7	3.9	3.9	3.9	3.9	3.9
36	Trần Thị Xuân	Quản trị hệ thống	7	2.9	3.1	3.3	3.3	3.2
37	Dương Thu Mây	Lập trình web	7	3.7	3.9	3.9	3.9	3.9
38	Nguyễn Anh Chuyên	Nhập môn ATTT	7	3.3	3.4	3.3	3.2	3.2
39	Nguyễn Toàn Thắng	Phần mềm và dịch vụ mạng	7	3.9	3.9	3.9	3.9	3.9
40	Trần Duy Minh	Công nghệ và thiết bị mạng	7	3.9	3.9	3.9	3.9	3.9
41	Trần Quang Huy	Công nghệ ảo hóa	7	3.6	3.6	3.5	3.6	3.6
42	Vũ Việt Dũng	Hệ điều hành bảo mật	7	3.3	3.4	3.4	3.4	3.5
43	Mã Văn Thu	Thiết kế nhân vật	7	3.7	3.7	3.5	3.7	3.5
44	Đoàn Mạnh Cường	Máy theo dõi bệnh nhân	8	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
45	Đoàn Mạnh Cường	Thiết bị chẩn đoán hình ảnh	8	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7
46	Phạm Đức Long	Lập trình hợp ngữ	8	3.2	3.3	3.3	3.2	3.3
47	Trịnh Minh Đức	Mật mã học và ứng dụng	8	3.1	3.1	3.2	3.1	3.1
48	Vũ Văn Diện	Đánh giá hiệu năng mạng	8	3.5	3.6	3.5	3.5	3.5
49	Trần Thị Thanh Hương	Thiết bị xét nghiệm sinh hóa	9	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7
50	Trần Xuân Trọng	Điều hòa ô tô	9	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
51	Đỗ Văn Đại	Hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý	9	3.4	3.5	3.4	3.3	3.3
52	Lê Anh Tú	Lập trình ứng dụng kinh tế	9	3.5	3.5	3.5	3.4	3.4
53	Ngô Mai Phương	Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế	9	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
54	Ngô Mai Phương	Quản trị chuỗi cung ứng	9	3.9	3.8	3.9	3.9	3.8
55	Phan Thị Hiền	Hành vi tổ chức doanh nghiệp	9	3.8	3.7	3.7	3.8	3.8
56	Lương Quang Huy	Xe lai - xe điện	10	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
57	Trần Xuân Trọng	Hệ thống điều khiển ô tô	10	3.8	3.8	3.8	3.8	3.8
58	Nguyễn Thanh Tùng (CNTT)	Thiết kế hệ thống phát hiện xâm nhập	10	2.8	2.7	2.7	2.6	2.6
59	Đỗ Thị Phương	Thiết kế đồ họa đa phương tiện nâng cao	10	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
60	Tạ Thị Thảo	Kỹ xảo đa phương tiện	10	3.7	3.5	3.4	3.4	3.4

NGƯỜI LẬP



Bùi Thị Hương Thơm



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Vũ Đức Thái